

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và
Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 506/2022/TLST-HNGĐ
ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm
những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Võ Quang B, sinh năm 1989; địa chỉ: đường X, phường Y,
quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989, địa chỉ: đường A, phường C, quận D,
tỉnh An Giang

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 132/2013, quyển số 01/2013 do
Ủy ban nhân dân xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp ngày
02/8/2013 thì ông B và bà T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu được
công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và gia
đình năm 2014.

Xét thỏa thuận của các đương sự:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà T cùng trình bày ông bà tự nguyện
chung sống vào năm 2013. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc.
Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm với nhau. Nay
cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông B và bà T yêu cầu Tòa án
công nhận thuận tình ly hôn. Do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông
B và bà T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia
đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung : Có tên Phạm Phi D1, sinh ngày 10/9/2012. Ly hôn hai
bên thỏa thuận giao các trẻ D1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng
nuôi con hai bên tự thỏa thuận là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên Tòa không xem xét.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Tòa không xem xét.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do ông Phạm Võ Quang B và bà Nguyễn Thị T chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Võ Quang B và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn (Ông Phạm Võ Quang B và bà Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 132/2013, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 02/8/2013).

- Về con chung: Giao trẻ Phạm Phi D1, sinh ngày 10/9/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thoả thuận.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do ông Phạm Võ Quang B và bà Nguyễn Thị T nộp, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông, bà đã nộp theo Biên lai thu số 0031488 ngày 26/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Bình, bà T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Đào Hữu Cảnh,
huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Cao Thị Thu Hiền